



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNT ngày tháng năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kế toán - Tài chính
b) Ngành đào tạo	Tài chính - Ngân hàng
c) Tên chương trình	Tài chính - Ngân hàng
d) Mã số ngành đào tạo	7340201
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
j) Thời gian cập nhật CTĐT	11/2021

### II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
2. PEO2: Có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình hoạt động tài chính - ngân hàng;
3. PEO3: Có kỹ năng nghề nghiệp để hội nhập và tham gia các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;
4. PEO4: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu liên quan đến tài chính - ngân hàng để phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các định chế tài chính;
5. PEO5: Thích ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của môi trường kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính - ngân hàng nói riêng.

#### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với CĐR của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

CĐR trình độ bậc 6 của VQF	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Kiến thức thực tế, toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật					
2. Kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp					
3. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp					

4. Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ					
--	--	--	--	--	--

### 2.3. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	X				
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	X	X		X	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		X	X		X
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ			X		
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	X		X	X	X

## III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng, người học có khả năng:

1. PEO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PEO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PEO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PEO4: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế, thị trường và pháp luật chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính, thuế, ngân hàng và bảo hiểm;
5. PEO5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu để phục vụ cho việc ra các quyết định trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng;
6. PEO6: Phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
7. PEO7: Đánh giá được các vấn đề về tài chính và hoạch định các chính sách tài chính cho các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp;
8. PEO8: Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật;
9. PEO9: Tư duy phản biện, thể hiện trách nhiệm xã hội và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn của ngành.

### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra CTĐT và CDR của VQF

CĐR (VQF)	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1									
2									
3									
4									

### 3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	X	X	X					X	X
2			X	X	X	X	X	X	
3			X	X	X	X	X	X	
4		X		X	X	X	X		
5					X	X	X	X	X

## IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng có thể đảm nhận các công việc sau:

1. Chuyên viên phân tích tài chính, giao dịch viên ngân hàng, nhân viên tín dụng;
2. Trưởng phòng tài chính, trưởng ban kiểm soát, giám đốc tài chính, trưởng phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh;
3. Giảng viên, cán bộ thuế, thanh tra thuế, thanh tra tài chính, ...
4. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Tài chính ngân hàng đảm nhận các vị trí công việc như sau:
5. Quản trị tài chính, kinh doanh tiền tệ, kinh doanh chứng khoán;
6. Phân tích và thẩm định tín dụng, thẩm định dự án, ...
7. Cử nhân được đào tạo theo chương trình Tài chính ngân hàng có thể làm việc ở những nơi như sau:
8. Các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan thuế, công ty tư vấn về thuế, ngân hàng, công ty bảo hiểm;
9. Công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các định chế tài chính, các cơ sở đào tạo, hoặc tự kinh doanh.

## V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

## VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>48</b>	<b>35</b>	<b>44</b>	<b>32.1</b>	<b>4</b>	<b>2.9</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	41.7	18	37.5	2	4.2
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&MT	9	18.8	9	18.8	0	0
3	Ngoại ngữ	8	16.7	8	16.7	0	0
4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh	11	22.9	9	18.8	2	4.2
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>	<b>65</b>	<b>69</b>	<b>50.4</b>	<b>20</b>	<b>14.6</b>
1	Cơ sở ngành	29	32.6	25	28.1	4	4.5
2	Ngành	50	56.2	44	49.4	6	6.7
3	Tốt nghiệp	10	11.2	0	0	10	11.2
4	Bổ trợ	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>137</b>	<b>100</b>	<b>113</b>	<b>82.5</b>	<b>24</b>	<b>17.5</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 7.1. Khung chương trình đào tạo định hướng đào tạo chuẩn

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			<b>137</b>	<b>Bắt buộc</b>			<b>207</b>	<b>151</b>	<b>13</b>	<b>12</b>	<b>16</b>	<b>166</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	
				<b>Tự chọn</b>			<b>0</b>	<b>1*</b>	<b>3</b>	<b>4*</b>	<b>2*</b>	<b>2*</b>	<b>2*</b>	<b>10</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>		<b>48</b>												
<b>I.1</b>	<b>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</b>		<b>20</b>												
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>				<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>				
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45			3								
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30				2							
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30					2						
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30						2					
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30					2						
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30			2								
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45				3							
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30					2						
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>2</b>							<b>2</b>					
9	SSH316	Tâm lý học đại cương	2	30						2					
10	SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30						2					
11	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30						2					
12	SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	30						2					
<b>I.2</b>	<b>Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&amp;MT</b>		<b>9</b>												
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>				<b>6</b>		<b>3</b>						
13	MAT327	Toán 1	3	45			3								
14	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45					3						
15	SOT382	Tin học đại cương B	3	15	60		3								

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
		(LT+TH)														
<b>I.3 Ngoại ngữ</b>			<b>8</b>													
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>8</b>					<b>4</b>	<b>4</b>							
16		Ngoại ngữ 1 (B1.1)	4	60				4								
17		Ngoại ngữ 2 (B1.2)	4	60					4							
<b>I.4 Thể chất và Quốc phòng - An ninh</b>			<b>11</b>													
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>9</b>					<b>4</b>								
18	QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	45				3								
19	QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	30												
20	QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1	14	16											
21	QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2		60											
22	85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1	6	18			1								
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>2</b>						<b>1</b>	<b>1</b>						
23	85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	6	18				1							
24	85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	6	18				1							
25	85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	6	18				1							
26	85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	6	18				1							
27	85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1	6	18				1							
28	851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1	6	18				1							
<b>II Giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>48</b>													
<b>II.1 Cơ sở ngành</b>			<b>29</b>													
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>25</b>					<b>1</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>2</b>				
29	FIB301	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	1	30				1								
30	ECS329	Kinh tế vi mô	3	45					3							
31	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	45					3							
32	FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	45						3						
33	FIB342	Toán tài chính	3	45							3					
34	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3	45							3					
35	ACC325	Nguyên lý kế toán	3	45						3						
36	FIB348	Bảo hiểm	2	30							2					
37	SSH353	Luật Ngân hàng	2	30								2				
38	FIB378	Tiếng Anh chuyên ngành (Tài chính - Ngân hàng)	2	30							2					
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>4</b>							<b>2</b>	<b>2</b>					
39	AUD334	Kế toán quản trị	2	30						2						
40	BUA338	Luật kinh doanh	2	30						2						
41	FIB302	Phương pháp nghiên cứu	2	30							2					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ										
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8			
		khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)																
42	FIB380	Ngân hàng số	2	30						2								
43	BUA398	Đàm phán trong kinh doanh	2	30							2							
44	TRE351	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	2	30							2							
45	ECS362	Kinh tế lượng	2	30						2								
<b>II.2 Ngành</b>			<b>50</b>															
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>44</b>									12	16	16				
46	FIB358	Thị trường chứng khoán	3	45							3							
47	FIB353	Quản trị tài chính 1	3	45							3							
48	FIB351	Quản trị tài chính 2	3	45									3					
49	FIB387	Tài chính quốc tế	2	30									2					
50	FIB337	Thuế	3	45							3							
51	FIB354	Tài chính công	2	30									2					
52	FIB345	Ngân hàng thương mại	3	45							3							
53	FIB386	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2	30									2					
54	FIB395	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45												3		
55	FIB357	Đầu tư tài chính	3	45												3		
56	FIB320	Thanh toán quốc tế	2	30									2					
57	FIB388	Quản trị rủi ro tài chính	2	30												2		
58	FIB373	Thẩm định tín dụng	2	30												2		
59	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	30												2		
60	FIB390	Quản trị ngân hàng thương mại	2	30												2		
61	FIB389	Mô hình tài chính	2	30												2		
62	ACC371	Kế toán ngân hàng	2	30									2					
63	ACC352	Kế toán tài chính	3	45												3		
<b>Học phần tự chọn</b>			<b>6</b>									2	2	2				
64	FIB381	Công cụ tài chính phái sinh	2	30												2		
65	AUD390	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	30							2							
66	FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	30										2				
67	FIB382	Quản trị chiến lược	2	30												2		
68	FIB376	Tài chính hành vi	2	30											2			
69	FIB383	Tài chính cá nhân	2	30								2						
70	FIB384	Quản trị nguồn nhân lực	2	30											2			
71	FIB385	Công nghệ blockchain	2	30								2						
<b>II.3 Tốt nghiệp</b>			<b>10</b>															
<b>Học phần thay thế ĐATN</b>			<b>0</b>															

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "\*" là của HP tự chọn.

## 7.2. Lưu đồ đào tạo định hướng chuẩn







59	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2					M	R	R		R	3R+1M
60	Quản trị ngân hàng thương mại	2					M	R	R		R	3R+1M
61	Mô hình tài chính	2					M	R	M			1R+2M
62	Kế toán ngân hàng	2					M	R	R		R	3R+1M
63	Kế toán tài chính	3							R		R	2R
64	Công cụ tài chính phái sinh	2				x	x	x	x			x
65	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				x		x			x	x
66	Tài chính công ty đa quốc gia	2				x	x	x	x			x
67	Quản trị chiến lược	2					x	x	x	x	x	x
68	Tài chính hành vi	2				x	x	x	x		x	x
69	Tài chính cá nhân	2				x	x		x		x	x
70	Quản trị nguồn nhân lực	2				x			x	x	x	x
71	Công nghệ blockchain	2			x	x	x	x	x			x
<b>II.3</b>	<b>Tốt nghiệp</b>	<b>0</b>										
<b>Chuẩn đầu ra</b>			<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	

### 7.6. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

## VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

## IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,...

---

**TRƯỞNG KHOA**

**BAN CHỦ NHIỆM CTĐT**

---

**HIỆU TRƯỞNG**

**HD PHÁT TRIỂN CTĐT**

---

